

Bản án số: 32/2026/HS-ST

Ngày: 10-02-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tán Nghị và bà Lê Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Trương Công Hoà – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 09/2026/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Thị P - sinh ngày: 07/3/1987 tại Đà Nẵng; nơi ĐKNKTT: Tổ B, phường H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 048187006663, cấp ngày: 17/8/2021; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần K (s) và bà Phan Thị H (s); đã có chồng và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14 tháng 02 năm 2025 tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Đ, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty TNHH MTV C3; địa chỉ: Lô H KCN Điện Nam - Đ, phường Đ, thành phố Đà Nẵng; đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ly T – chức danh: Giám đốc (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hồ Quốc S – Sinh năm: 1992, địa chỉ: Số A đường M, phường H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 048092007160 (có mặt).

+ Ông Nguyễn Tấn C – Sinh năm: 1993, địa chỉ: Số D đường N, phường A, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 062093008552 (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Hữu H1 – Sinh năm: 1996, địa chỉ: Tổ C, phường A, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 048096004998 (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Thành T1 – Sinh năm: 2004, địa chỉ: Tổ B, phường H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 048204002093 (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị T3 – Sinh năm: 1980, địa chỉ: Số K đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 049180010575 (có mặt).

+ Bà Lê Nguyễn Thùy T2 – Sinh năm: 1982, địa chỉ: 2 đường L, phường H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 048182003959 (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Minh T3 – Sinh năm: 1980, địa chỉ: Số D đường T, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 036180015928 (có mặt).

+ Bà Phạm Thị Ngọc D – Sinh năm: 1985, địa chỉ: K T, phường H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 048185005469 (có mặt).

+ Ông Nguyễn Thành V - Sinh năm: 1987, địa chỉ: Tổ B, phường H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 048087006663 (có mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Ông Lê Ngọc Q – Sinh năm: 1989, địa chỉ: Thôn C, xã A, tỉnh Quảng Ngãi (thôn C, xã N, Tp Q, tỉnh Quảng Ngãi cũ); số CCCD: 051089008184 (vắng mặt).

+ Ông Đinh Văn T4 – Sinh năm: 1989, địa chỉ: Thôn P, xã Q, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 049089018831 (vắng mặt).

+ Ông Bùi Ngọc V1 – Sinh năm: 1999, địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 049099006079 (vắng mặt).

+ Ông Huỳnh Quang H2 – Sinh năm: 1999, địa chỉ: Số H đường D, phường H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 049099007388 (vắng mặt).

+ Bà Ngô Thị Thủy T5 – Sinh năm: 2005, địa chỉ: Tổ A, Thôn Q, phường L, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 0483054005547 (vắng mặt).

+ Bà Trần Thị Thanh T6 – Sinh năm: 2003, địa chỉ: Số E L, phường L, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 049303009053 (vắng mặt).

+ Bà Võ Thị H3 – Sinh năm: 2003, địa chỉ: Số B đường D, phường T, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 044303003660 (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị N – Sinh năm: 2005, địa chỉ: Thôn M, xã H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 049305010672 (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Thu H4 – Sinh năm: 2003, địa chỉ: E A, phường L, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 048303001744 (vắng mặt).

+ Bà Thái Thị T7 – Sinh năm: 1999, địa chỉ: Số G N, phường N, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 049199008760 (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Hòa T8 – Sinh năm: 2000, địa chỉ: 1 đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 049300002755 (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Nguyên Thùy D1 – Sinh năm: 2001, địa chỉ: Số D đường B, phường H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 048301005930 (có mặt).

+ Bà Đỗ Thị Minh H5 – Sinh năm: 2003, địa chỉ: Kiệt G đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 049303009331 (vắng mặt).

+ Bà Mai Thị Thanh H6 – Sinh năm: 2002, địa chỉ: 1 đường P, phường H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 064302013197 (vắng mặt).

+ Bà Dương Thị N1 – Sinh năm: 2002, địa chỉ: Thôn H, xã N, tỉnh Quảng Trị (thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị cũ); số CCCD: 045302004363 (vắng mặt).

+ Bà Lê Bảo C1 – Sinh năm: 2004, địa chỉ: Số B đường P, phường T, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 079304042001 (vắng mặt).

+ Bà Trương Thị Ly N2 – Sinh năm: 2005, địa chỉ: B đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 049305011454 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/7/2014, Trần Thị P được công ty TNHH MTV C3 (gọi tắt là công ty C3) tuyển dụng vào làm việc tại Chi nhánh B (số B đường H, phường T, thành phố Đà Nẵng) theo hợp đồng lao động số: 09/2014/HĐLD. Đến ngày 20/5/2022, Trần Thị P được Công ty bổ nhiệm chức danh quản lý cửa hàng (Cửa hàng trưởng) của cửa hàng T10 (Shop thời trang T11, tại số G đường A, phường L, thành phố Đà Nẵng) theo hợp đồng trách nhiệm số: 10/2022.

Theo quy định của Công ty C3 thì vai trò, trách nhiệm của cửa hàng T12; quy trình bán hàng, nhập xuất hàng hoá, ghi nhận doanh thu được thực hiện như sau:

Vai trò, trách nhiệm của cửa hàng trưởng: Điều hành hoạt động của cửa hàng; chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ, sử dụng các tài sản, hàng hoá, sản phẩm của Công ty bàn giao cho cửa hàng; kiểm tra, bảo quản hàng hoá; hàng tháng phải thực hiện kiểm kê hàng hoá của cửa hàng quản lý; quản lý doanh thu bán hàng của Công ty và nộp lại doanh thu bán hàng về Công ty vào thứ 2, 4, 6 hằng tuần.

Quy trình bán hàng: Khách hàng có nhu cầu mua hàng sẽ trực tiếp lựa chọn mẫu tại gian trưng bày sản phẩm hoặc thông qua nhân viên tư vấn, sau khi chốt mẫu cần mua nhân viên sẽ vào kho hàng lấy size phù hợp giao cho bộ phận thu ngân để khách hàng đến thanh toán tiền hàng. Tại đây, nhân viên thu ngân tiến hành quét mã vạch trên sản phẩm để hiện ra giá sản phẩm, sau đó nhân viên thông báo cho khách hàng biết số tiền cần phải thanh toán để khách hàng trả tiền. Có 03 phương thức thanh toán khi mua hàng tại cửa hàng T10: Thanh toán bằng tiền mặt; thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Trần Thị P có số tài khoản: 19031781941011, ngân hàng T13, tên chủ tài khoản: TRAN THI PHUONG (Công ty cho phép quản lý cửa hàng được nhận thanh toán bằng tài khoản cá nhân sau đó chuyển về Công ty sau) và thanh toán bằng quét thẻ Visa thông qua máy Pos, khi thanh toán

bằng quét thẻ Visa thì tiền khách hàng thanh toán sẽ được chuyển thẳng về tài khoản ngân hàng V2, số tài khoản: 105000024106, chủ tài khoản: NGUYEN THI LY TY (tài khoản của Công ty C3).

Khi khách hàng thanh toán, nhân viên thu ngân nhận tiền (nếu trả tiền mặt), hoặc báo cho cửa hàng T12 (nếu chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của P), khi xác nhận đã thanh toán xong thì nhân viên có trách nhiệm in hóa đơn bán hàng (bill) giao cho khách hàng. Việc in hoá đơn được thực hiện nhằm mục đích báo cáo doanh thu cho Công ty, được quản lý bằng camera do Công ty đặt chiếu vào quầy thu ngân.

Đối với việc nhập, xuất hàng hoá từ kho của Công ty về cửa hàng T10 được diễn ra như sau: Khi cửa hàng có nhu cầu nhập thêm hoặc xuất trả về kho của Công ty thì Cửa hàng trưởng sẽ liên hệ với bộ phận kho của Công ty kèm số lượng hàng hoá nhập thêm hoặc trả về. Lúc này, kho của Công ty sẽ làm một phiếu xuất kho kèm từng mã sản phẩm và số lượng. Sau khi quản lý cửa hàng kiểm đếm đủ số lượng trong phiếu xuất sẽ ký nhận vào phiếu xuất kho (phiếu xuất sẽ được làm 03 bản; 01 bản quản lý cửa hàng giữ, 01 bản kho giữ và 01 bản gửi về Công ty lưu).

Quy trình kiểm tra của Công ty đối với hoạt động bán hàng tại cửa hàng: Công ty bố trí camera chiếu thẳng vào bộ phận thu ngân để giám sát, kiểm tra việc in hóa đơn cho khách hàng nhằm ngăn ngừa việc bán hàng không in hóa đơn của nhân viên thu ngân, hình ảnh của C2 được cài đặt trên điện thoại của cửa hàng trưởng của các cửa hàng. Đối với phần mềm bán hàng, mỗi hóa đơn xuất bán trên phần mềm sẽ được liên thông trên hệ thống quản lý của Công ty để theo dõi, thống kê, đối chiếu với doanh thu cửa hàng nộp về Công ty. Vào khoảng cuối tháng hằng năm (không cố định thời gian, thực hiện theo kế hoạch của Công ty) Công ty sẽ cử nhân viên kiểm kê đến các cửa hàng thực hiện kiểm đếm, đối chiếu số liệu hàng hóa tồn kho thực tế tại Cửa hàng và số liệu tồn kho trên sổ sách.

Cửa hàng T10 được mở cửa từ 8 giờ sáng đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Thị P – cửa hàng trưởng phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhân viên bao gồm tư vấn cho khách hàng, tính tiền khi khách hàng mua sản phẩm áo quần. Tới 21 giờ 30 phút cùng ngày, P sẽ lên cửa hàng để chốt lại doanh thu trong ngày bằng cách kiểm tra doanh thu hiển thị trên phần mềm bán hàng đối với tổng số tiền mặt, tiền chuyển khoản, tiền quét máy Pos mà khách hàng thanh toán trong ngày. Khi P có việc không lên cửa hàng thì sẽ giao cho nhân viên thực hiện việc kết sổ và P sẽ ghé tới cửa hàng lấy tiền sau (việc nhân viên nào thực hiện kết sổ sẽ do P chỉ định).

Vào thứ 2, 4, 6 hằng tuần, P sẽ nộp doanh thu của cửa hàng tại Công ty C3 tại địa chỉ: số H đường L, phường H, thành phố Đà Nẵng, hình thức nộp trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Công ty. Ngày cuối cùng của hằng tháng, bộ phận kế toán sẽ tổng hợp tổng số tiền doanh thu của cửa hàng (bao gồm tiền mặt và tiền chuyển khoản, và quét thẻ qua máy Pos) và đối chiếu với bản báo cáo thu chi do cửa hàng trưởng lập (tổng doanh thu cửa hàng trong tháng và chi phí duy trì hoạt động của cửa hàng như chi phí nhân công, điện nước, thuê cửa hàng...), bản báo cáo thu chi này cửa hàng trưởng tự lập và ký xác nhận. Khi trùng khớp về số liệu thì Lê Nguyễn Thùy T2 (kế toán công ty C3) sẽ lập sổ chi tiết Công nợ thể hiện doanh

thu và các chi phí hoạt động của cửa hàng trong tháng và biên bản xác nhận doanh thu và hàng hoá thể hiện hàng tồn đầu tháng của cửa hàng và hàng tồn cuối tháng sau khi bán hàng một tháng.

Trong quá trình làm Cửa hàng trưởng của cửa hàng T10 từ tháng 5 năm 2022 đến tháng 9 năm 2024, Trần Thị P có nhiều khoản nợ bên ngoài nên nảy ra ý định lấy tiền bán hàng của Công ty để trả nợ, tiêu xài cá nhân. Do biết tính chất của phần mềm bán hàng là nếu như in hoá đơn giao khách hàng thì Công ty sẽ kiểm tra được trên phần mềm nên Phương tự thực hiện hoặc chỉ đạo nhân viên của cửa hàng T10 bán sản phẩm áo quần không in hoá đơn để không ghi nhận doanh thu bán hàng về Công ty C3 và chiếm đoạt khoản tiền này.

Để tránh Công ty nghi ngờ doanh thu hằng ngày quá thấp, khi doanh số hằng ngày của cửa hàng đạt mức bình quân từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, P sử dụng tài khoản Messenger Facebook cá nhân là “Phương Vy” gửi tin nhắn vào ứng dụng Messenger của tài khoản Facebook nhân viên thu ngân yêu cầu bán hàng không in hoá đơn tính tiền cho khách. Nếu khách hàng thanh toán tiền bằng hình thức chuyển khoản thì tiền chiếm đoạt được chuyển thẳng vào tài khoản ngân hàng T13 số: 19031781941011, tên chủ tài khoản: TRAN THI PHUONG. Nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt thì nhân viên sẽ để riêng trong hộc đựng tiền, cuối giờ P sẽ tự đến cửa hàng lấy. Quá trình P yêu cầu nhân viên thực hiện bán hàng không in hoá đơn cho khách thì P giám sát nhân viên bằng camera tại cửa hàng chiếu trực tiếp vào quầy tính tiền được cài đặt trên điện thoại di động cá nhân của P.

Để che dấu hành vi chiếm đoạt tiền của công ty, P nói với nhân viên việc bán hàng không in hoá đơn cho khách là để tạm ứng lương cho nhân viên và tạm ứng các chi phí cho cửa hàng. Để đối phó với việc kiểm tra hàng hóa tồn kho định kỳ của Công ty vào năm 2022 và năm 2023, P nói với đội kiểm kê của Công ty gồm Hồ Quốc S, Bùi Ngọc V1, Huỳnh Quang H2, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Hữu H1 là do lượng khách tới mua hàng hoá tại cửa hàng đông nên xảy ra tình trạng bị mất trộm, thất thoát hàng hoá và xin tổ kiểm kê có thời gian khắc phục và không báo cáo lại cho Công ty, nên đội kiểm kê đã báo cáo không đúng số lượng mất thực tế của cửa hàng The Blues vào đợt kiểm hàng hoá năm 2022 và bỏ qua, không kiểm tra thực tế tại kho năm 2023, không báo cáo cho Công ty sự việc P nói về mất trộm dẫn đến việc Trần Thị P chiếm đoạt sản phẩm tại cửa hàng.

Do nghi ngờ hàng hóa bị thất thoát nên Công ty Con Đường Xanh tiến hành kiểm kê hàng hoá tại cửa hàng T10 từ ngày 04/9/2024 đến hết ngày 05/9/2024, Qua kiểm tra thực tế tại cửa hàng, đối chiếu với số liệu tồn kho trên sổ sách Công ty phát hiện mất 1.514 sản phẩm quần áo trong cửa hàng. Vào thời điểm kiểm kê ngày 05/9/2024, Trần Thị P đã tự ý nghỉ việc nên các nhân viên của cửa hàng là Lê Bảo C1, Nguyễn Thị Hòa T8, Nguyễn Nguyên Thùy D1 đã gửi đơn tố cáo về hành vi phạm tội của Trần Thị P.

Ngày 27/12/2024, đại diện pháp luật Chi nhánh 2 - Công ty TNHH MTV C3 là bà Nguyễn Thị T3 gửi đơn tố cáo đối với Trần Thị P về việc lợi dụng chức danh là quản lý cửa hàng và quản lý tài sản tại cửa hàng T10 thực hiện hành vi chiếm đoạt số

tiền bán hàng của 1.514 sản phẩm (theo mức giá bán tại thời điểm xuất xưởng của sản phẩm mới ra mắt trên thị trường) với tổng số là 605.861.000 đồng. Tuy nhiên, đối với mặt hàng quần áo thì giá bán khi xuất xưởng chỉ giữ trong một thời gian nhất định rồi giảm giá do thường hay được khuyến mãi giảm giá theo nhu cầu thị trường. Công ty C3 đã có đơn trình bày và bảng thống kê giá trị của 1.514 sản phẩm tương đương với số tiền 423.324.999đ (bốn trăm hai mươi ba triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi chín đồng).

Tang vật tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu trắng, có số máy: MWG32LL/A, số Sê-ri: FCJZL4ZQN70D của Trần Thị P.

Qua làm việc và trích xuất dữ liệu trên điện thoại di động của của các nhân viên trong cửa hàng T10 xác định: Có 11 nhân viên thực hiện bán hàng hoá không in hoá đơn theo chỉ đạo của Trần Thị Phương G: Nguyễn Thành T1, Võ Thị H3, Thái Thị T9, Nguyễn Nguyên Thùy D1, Nguyễn Thị Hòa T8, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Thu H4, Dương Thị N1, Lê Bảo C1, Trần Thị Thanh T6 và Ngô Thị Thủy T5. Tiến hành đối chiếu các hình ảnh chuyển khoản của khách hàng và hình ảnh các đơn thanh toán bằng tiền mặt trích xuất được từ điện thoại của 11 nhân viên với doanh thu hằng ngày của cửa hàng T10 và sao kê tài khoản ngân hàng của Trần Thị P xác định số tiền mà Trần Thị P đã chiếm đoạt từ việc khách hàng thanh toán bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt nhưng không in hoá đơn đối với 1.514 sản phẩm của Công ty C3 có giá trị là 423.324.999đ (bốn trăm hai mươi ba triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi chín đồng).

Qua điều tra, không có cơ sở xác định tổ kiểm kê đã nhận tiền hay lợi ích vật chất khác để che giấu hành vi phạm tội của Trần Thị P. Trong quá trình điều tra, gia đình bị cáo Trần Thị P đã bồi thường cho Công ty C3 số tiền 423.324.999đ.

Từ những nội dung trên, tại Cáo trạng số: 84/CT-VKS-P3 ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Trần Thị P về tội “Tham ô tài sản” theo các điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố bị cáo và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Trần Thị P phạm tội “Tham ô tài sản”.
- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 năm đến 07 năm tù.
- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bồi thường toàn bộ thiệt hại và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Viện kiểm sát không đề cập đến.
- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước công cụ, phương tiện mà bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu trắng, có số máy: MWG32LL/A, số Sê-ri: FCJZL4ZQN70D.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng với nội dung Cáo trạng đã truy tố bị cáo, thể hiện thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình để giảm nhẹ hình phạt tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về với gia đình, chăm sóc con cái và sống có ích cho xã hội.

Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV C3 bà Nguyễn Thị Ly T trình bày: Bị cáo đã chiếm đoạt 1514 sản phẩm của công ty chúng tôi với tổng giá trị 423.324.999đ. Chúng tôi đã bồi thường toàn bộ nên không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Bị cáo làm việc tại công ty C4 đã lâu, là người có năng lực nên được tin tưởng và giao quản lý cửa hàng. Tôi mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình, nuôi con nhỏ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Quốc S trình bày: Hồ Quốc S là Tổ trưởng Tổ kiểm tra thực hiện kiểm tra hàng hoá của cửa hàng T10 do Trần Thị P làm cửa hàng trưởng vào các năm 2022 và 2023. Do tin tưởng và vị nể P nên S đã báo cáo không đúng số lượng hàng bị mất thực tế tại cửa hàng vào đợt kiểm tra năm 2022. Đồng thời bỏ qua, không kiểm tra hàng tồn thực tế tại kho vào năm 2023 và không báo cáo cho Công ty sự việc P nói về mất trộm thất thoát hàng hoá tại cửa hàng. S không nhận tiền hay lợi ích vật chất gì khác từ P để bỏ qua việc kiểm kê hàng hoá.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành T1 trình bày: Trong quá trình làm việc tại cửa hàng T10, như với các nhân viên khác ông T1 nghe theo sự chỉ đạo của bị cáo Trần Thị P thực hiện bán hàng không in hoá đơn với tổng số tiền 117.605.999đ (một trăm mười bảy triệu sáu trăm lẻ năm nghìn chín trăm chín mươi chín đồng). Ông T1 không biết việc bị cáo chiếm đoạt toàn bộ số tiền này để tiêu xài cá nhân. Ông T1 không được bị cáo cho tiền hay bất kỳ lợi ích vật chất nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị cáo Trần Thị P đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

[2] Trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2022 đến ngày 04 tháng 9 năm 2024, lợi dụng quyền hạn là Cửa hàng trưởng của cửa hàng T10 tại số G đường A, phường L, thành phố Đà Nẵng bị cáo Trần Thị P đã tự ý chỉ đạo các nhân viên trong cửa hàng bán áo quần nhưng không in hoá đơn đối với 1514 sản phẩm thuộc thương hiệu The Blues với tổng giá trị 423.324.999đ (*bốn trăm hai mươi ba triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi chín đồng*). Sau đó, bị cáo không nộp về cho Công ty TNHH MTV C3 mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền 423.324.999đ để tiêu xài cá nhân.

[3] Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản thuộc trách nhiệm quản lý như nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản”. Trong vụ án này, bị cáo đã nhiều lần chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị từ 100.000.000 đồng

đến dưới 500.000.000 đồng, trong đó có tổng cộng 24 lần với mỗi lần có số tiền bị chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng. Vì thế, bị cáo Trần Thị P phải chịu trách nhiệm hình sự với hai tình tiết định khung theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy, Cáo trạng số: 84/CT-VKS-P3 ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Bị cáo là người có đủ nhận thức, hiểu biết nhưng vì sự tham lam của bản thân mà lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn và quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp được pháp luật hình sự bảo vệ. Xét thấy đối với bị cáo cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[5] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo đã nhờ gia đình bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt; được đại diện theo pháp luật của bị hại bày nại về trách nhiệm dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có hoàn cảnh gia đình thuộc diện khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận; có hai con còn nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại đã được bồi thường toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, Viện kiểm sát không đề cập nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu trắng, có số máy: MWG32LL/A, số Sê-ri: FCJZL4ZQN70D mà bị cáo đã sử dụng làm phương tiện phạm tội.

[9] *Về án phí:* Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Trong giai đoạn điều tra và truy tố, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng. Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Như vậy, hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[11] Ngoài ra, trong vụ án này có Hồ Quốc S là Tổ trưởng tổ kiểm tra của Công ty TNHH MTV C3 nên nắm rõ quy trình kiểm tra, giám sát, quyền hạn và nhiệm vụ của Tổ kiểm tra. Hồ Quốc S có trách nhiệm kiểm tra, giám sát các mặt hàng tồn kho thực tế tại cửa hàng và đối chiếu với số lượng hàng tồn kho trên phần mềm quản lý nhằm xác định hàng hoá có bị mất hay không và báo cáo trung thực, khách quan của công tác kiểm tra. Tại đợt kiểm tra vào các ngày 03 và 04 tháng 9 năm 2022, tổ kiểm tra đã phát hiện mất nhiều sản phẩm nhưng Hồ Quốc S lại báo cáo không đúng sự thật về số lượng hàng tồn tại cửa hàng cho lãnh đạo công ty theo sự nhờ vả của P. Đợt kiểm tra lần thứ 2 từ ngày 27 đến ngày 29 tháng 6 năm 2023, do P tiếp tục nhờ vả nên Hồ Quốc S chỉ đạo các thành viên của Tổ kiểm tra không tiến hành kiểm tra hàng tồn kho trên thực tế theo quy định của công ty và báo cáo kết quả sai sự thật cho lãnh đạo công ty. Hành vi của Hồ Quốc S đã tạo điều kiện cho Trần Thị P tiếp tục chiếm đoạt tài sản của công ty trong thời gian dài, với giá trị rất lớn. Mặc dù S không nhận lợi ích vật chất từ bị cáo nhưng hành vi của Hồ Quốc S có dấu hiệu cấu thành tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp” theo Điều 179 của Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[12] Nguyễn Thành T1 và Trần Thị P xác định có mối quan hệ gia đình (P là thím dâu – chồng P là chú ruột của T1). T1 được P nhận vào làm việc tại cửa hàng do P làm cửa hàng trưởng từ ngày 14/10/2022 đến ngày 05/9/2024 (sau khi P tự ý bỏ việc). Tại cửa hàng, T1 có nhiệm vụ trực tiếp tham gia bán hàng và thu ngân, không in hoá đơn theo chỉ đạo của P; đồng thời, T1 là người quản lý khi P không có mặt tại cửa hàng. Tại phiên toà ngày 14/11/2025, T1 xác định biết được bị cáo chiếm đoạt tiền bán hàng của Công ty từ giữa năm 2023. Quá trình điều tra không có cơ sở để xác định T1 nhận được lợi ích từ bị cáo, không đủ cơ sở để xác định T1 có hành vi giúp sức nhưng hành vi của T1 có dấu hiệu cấu thành tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại Điều 19, Điều 390 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[13] Toà án đã tiến hành trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhằm xem xét trách nhiệm hình sự đối với Hồ Quốc S và Nguyễn Thành T1 nhưng sau khi điều tra bổ sung cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng vẫn không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với S và T1. Do đó, Hội đồng xét xử không có thẩm quyền xử lý trách nhiệm hình sự đối với S và T1 theo quy định về giới hạn xét xử tại khoản 1 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sơ thẩm kiến nghị với Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân cấp trên đánh giá, xem xét nội dung này theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự nhằm giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào điểm c, d khoản 2 Điều 353, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị P phạm tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị P 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14 tháng 02 năm 2025.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu của bị cáo Trần Thị P để sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu trắng, có số máy: MWG32LL/A, số Sê-ri: FCJZL4ZQN70D.

(Vật chứng nêu trên hiện đang được Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4, thành phố Đà Nẵng tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02 tháng 10 năm 2025)

- Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thị P phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/02/2026). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND KV4 – Đà Nẵng;
- CQCSĐT CA TP Đà Nẵng;
- Phòng THADSKV4 - Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- Bị cáo, đương sự;
- Trại tạm giam số 1, CATP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn